TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **62**/2024/HS-ST
Ngày 04 - 7 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Ngọc Biên, ông Đào Xuân Thịnh

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Nhẫn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số số 48/2024/HSST ngày 13 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 31/HSST-QĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/HSST-QĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Thị Ngọc L**, sinh năm 1983 tại tỉnh Bắc Giang; tên gọi khác: Không; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn Y, xã S, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh H, sinh năm 1948 (đã chết) và bà Trịnh Thị Y, sinh năm 1953; chồng là Chen Zheng Ho, sinh năm 1979 (Quốc tịch Đài Loan); có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 23/12/2023 đến ngày 26/12/2023 bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **Hà Thị G**, sinh năm 1984 tại tỉnh Phú Thọ; tên gọi khác: Vân; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu V, xã L, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn T, sinh năm 1961 và bà Phùng Thị Thuý H, sinh năm 1962; chồng là Ngô Văn Lợi, sinh năm 1977 (đã ly

hôn năm 2023); có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

** Người bào chữa cho bị cáo Hà Thị Giang*: Ông Hà Đình T – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH MTV Thiên Quang; địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn N, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

+ Anh Ngụy Thế M, sinh năm 1973; nơi cư trú: thôn B, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

+ Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1987; nơi cư trú: thôn T, xã Đ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

+ Chị Triệu Thị T, sinh năm 1992; nơi cư trú: thôn A, xã M, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái (vắng mặt)

+ Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1984; nơi cư trú: Xóm M, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

+ Chị Hán Thị N, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ dân phố 3, thị trấn N, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

+ Anh Tạ Văn C, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ dân phố P, thị trấn B, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Ngọc L và Hà Thị G có tên gọi khác là V có mối quan hệ quen biết và cùng nhau làm gái mại dâm. Khoảng 12 giờ ngày 23/12/2023, Trần Ngọc L nhận được điện thoại của Hoàng Văn T, sinh năm 1982, trú tại Tổ dân phố Đ, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang với nội dung muốn mua dâm cho T và 02 người bạn của T là Nguyễn Văn C và Nguỵ Thế M, L đồng ý bán dâm cho T và thỏa thuận với T giá một lần mua bán dâm là 400.000đ/1 người. Sau đó L gọi điện thoại cho Hà Thị G cũng là gái bán dâm rủ đi bán dâm thì G từ chối do có việc bận, L nhờ G tìm hộ hai gái bán dâm để đi bán dâm cho khách thì G gọi điện thoại cho Triệu Thị T, sinh năm 1992, trú tại thôn A, xã M, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái và Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1984, trú tại Xóm M, xã Kim C, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình đều ở trọ tại tổ dân phố T, thị trấn T, huyện Yên Dũng bảo T và H đi bán dâm thì T và H đồng ý. Sau khi

được G thông báo có T và H cùng đi bán dâm, L gọi điện cho T hẹn gặp nhau tại nhà nghỉ T, tổ dân phố 3, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang do chị Hán Thị N, sinh năm 1984 làm chủ để thực hiện việc mua bán dâm, L thuê taxi đi đến trước cửa phòng trọ của T để đón T và H nhưng H chưa đến nơi nên L gọi điện thoại cho G bảo G gọi cho H thì G đồng ý gọi điện thoại bảo H đi ra chỗ L để đi bán dâm. Trên đường đi L thỏa thuận với H và T về việc sẽ trả cho T và H 200.000đ/1 lần bán dâm, ngoài ra số tiền khách cho thêm tiền thì T và H sẽ được hưởng riêng. Khi đến nhà nghỉ T thì T chuyển khoản cho L số tiền 1.200.000đồng để trả tiền cho T, C, Ma mua dâm. Sau đó, Nguỵ Thế M và Nguyễn Thị Thu H cùng vào phòng 401, Hoàng Văn T và Triệu Thị T vào phòng 403, Trần Thị Ngọc L cùng Nguyễn Văn C đi vào phòng 405 để thực hiện hành vi mua bán dâm. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, khi T và T, L và C, H và M đang thực hiện hành vi quan hệ tình dục thì bị Công an huyện Yên Dũng kiểm tra hành chính tại nhà nghỉ T phát hiện và lập biên bản, thu giữ tang vật.

Vật chứng của vụ án: Qúa trình điều tra xác định 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng tạm giữ của Hoàng Văn T là do T mượn của anh Tạ Văn C, sinh năm 1979 ở tổ dân phố P, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng. Ngày 27/12/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại anh C chiếc điện thoại này. Số vật chứng còn lại gồm: 03 bao cao su đã sử dụng; 03 vỏ bao cao su; 04 bao cao su chưa qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13Pro; 01 điện thoại di động Iphone 6s; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu xám; số tiền 200.000đồng được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Dũng xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại cơ quan điều tra, Trần Thị Ngọc L và Hà Thị G (V) đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 48/CT-VKSYD ngày 25/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng đã truy tố các bị cáo Trần Thị Ngọc L và Hà Thị G (tên gọi khác: V) về tội "Môi giới mại dâm" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 328 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố và xác định việc bị truy tố là đúng người, đúng tội, không bị oan. Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa, các bị cáo nhất trí và không có ý kiến gì.

Sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều

51; Điều 17, Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Thị Ngọc L. Xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc L 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Môi giới mại dâm", thời gian thử thách 05 năm. Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 328; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 2 Điều 54; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Hà Thị G (tên gọi khác: V). Xử phạt bị cáo Hà Thị G (tên gọi khác: V) từ 02 năm 06 tháng tủ đến 02 năm 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Môi giới mại dâm", thời gian thử thách 05 năm. Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 03 bao cao su đã qua sử dụng; 03 vỏ bao cao su; 04 bao cao su chưa qua sử dụng. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone 6s, số tiền 1.400.000đồng. Trả lại bị cáo Trần Thị Ngọc L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13Pro; trả lại chị Nguyễn Thị Thu H 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO màu xanh; trả lại chị Triệu Thị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu xám.

Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Trần Thị Ngọc L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hà Thị G (tên gọi khác: V).

Các bị cáo nhất trí với nội dung bản luận tội của Kiểm sát viên và không có ý kiến tranh luận gì về tội danh và hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo Hà Thị G là ông Hà Đình T trình bày: Nhất trí về tội danh, điều khoản mà cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Giang. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 328; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo, xử cho bị cáo Hà Thị G (V) 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thức hành vi mà các bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa xét xử vụ án, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do vậy hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ, sự vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án, căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người trên.

[3] Xét về hành vi của các bị cáo theo nội dung bản cáo trạng truy tố thì thấy: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện nội dung vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 23/12/2023, tại nhà nghỉ T, thuộc tổ dân phố 3, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, Trần Thị Ngọc L, sinh năm 1983, trú tại thôn Y, xã S, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang và Hà Thị G (V), sinh năm 1984, trú tại Khu V, xã L, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ đã có hành vi môi giới cho Triệu Thị T và Nguyễn Thị Thu H bán dâm cho Hoàng Văn T và Nguỵ Thế M. Khi H đang bán dâm cho M tại phòng 401, T bán dâm cho T tại phòng 403 và L bán dâm cho C tại phòng 405 nhà nghỉ T thì bị tổ công tác Công an huyện Yên Dũng phát hiện, lập biên bản, thu giữ tang vật. Các bị cáo đã có hành vi làm trung gian, dẫn dắt để các đối tượng trên thực hiện việc mua bán dâm. Do vậy hành vi của các bị cáo Trần Thị Ngọc L và Hà Thị G (V) đã đủ yếu tố cấu thành tội "Môi giới mại dâm" quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự (Môi giới đối với hai người trở lên).

Các bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực nhận thức, điều khiển hành vi và năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, đạo đức xã hội, hủy hoại nhân cách con người, gây ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn hóa, làm suy thoái đạo đức lối sống, gây mất trật tự trị an tại địa phương, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác, là một trong các nguyên nhân lây bệnh xã hội như bệnh lậu, giang mai, HIV/AIDS. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Xét vai trò của các bị cáo thì thấy: Trong vụ án này cả hai bị cáo đều là gái mại dâm, cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, không có sự câu kết chặt chẽ, không có sự bàn bạc và phân công vai trò cụ thể khi thực hiện hành vi phạm tội nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Tuy nhiên mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của mỗi bị cáo có sự khác nhau. Bị cáo Trần Thị Ngọc L là người khởi xướng, đồng thời cũng là người trực tiếp giao dịch, thỏa thuận về giá cả mua bán dâm, trực tiếp tham gia bán dâm và là người thuê taxi đưa hai gái bán dâm là Triệu Thị T và Nguyễn Thị Thu H đến nhà nghỉ T để bán dâm cho khách, được hưởng tiền thu lời bất chính từ việc môi giới mại dâm nên có vai trò chính và mức hình phạt của bị cáo L sẽ cao hơn mức hình phạt của bị cáo G (tên gọi khác: V).

Đối với bị cáo Hà Thị G (V) tuy không được hưởng lợi gì từ việc gọi điện cho T và H đi bán dâm cùng L nhưng G đã dẫn dắt, làm trung gian để T và T, H và M thực hiện được việc mua bán dâm. Do đó bị cáo là người giúp sức xếp vai trò thứ hai và phải chịu trách nhiệm đồng phạm trong vụ án.

[5] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Bị cáo L tự ra đầu thú và có bố đẻ là ông Trần Minh H được tặng huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhất và được Hội nạn nhân chất độc da cam/dioxin thành phố Bắc Giang, Đảng ủy xã Song Khê, thành phố Bắc Giang tặng giấy khen, bị cáo đã có ý thức tự nguyện nộp lại số tiền thu lời bất chính. Bị cáo G có bố đẻ là ông Hà Văn T được Ban liên lạc cựu chiến binh toàn quốc mặt trận Vị Xuyên – Hà Tuyên – Quân khu II tặng kỷ niệm chương vì đã tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu bảo vệ biên giới Vị Xuyên

– Hà Tuyên. Do vậy các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, bị cáo G còn là người dân tộc thiểu số thuộc vùng kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn, sự hiểu biết và nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế, do đó bị cáo không nhận thức hết việc gọi điện cho H và T đi bán dâm là vi phạm pháp luật, thực tế bị cáo cũng không được hưởng lợi hay hứa hẹn được hưởng lợi gì từ việc dẫn dắt T và H đi bán dâm. Bị cáo phạm tội lần đầu là người giúp sức, có vai trò không đáng kể trong vụ án, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên việc áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự để xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt như đề xuất của Kiểm sát viên là phù hợp.

[6] Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Hà Thị G (V) thì thấy: Bị cáo Giang với vai trò là người giúp sức, có vai trò không đáng kể trong vụ án, bị cáo đã ly hôn và là mẹ đơn thân nuôi con nhỏ, bị cáo là người dân tộc, sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo không nhận thức hết được việc bị cáo gọi điện cho T và H đi bán dâm cùng L là vi phạm pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ để xử bị cáo G dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của người bào chữa, tuy nhiên mức hình phạt mà người bào chữa đề nghị là chưa phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm mà hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện.

[7] Từ tính chất, mức độ nguy hiểm mà hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự với một mức án nghiêm khắc mới tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật. Tuy nhiên, các bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn, là mẹ đơn thân nuôi con nhỏ, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đối chiếu quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì thấy các bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo. Để đảm bảo tính nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước và pháp luật, Hội đồng xét xử thấy không cần bắt các bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần cho các bị cáo cải tạo tại địa phương là phù hợp với quy định của pháp luật và đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân biết tuân thủ pháp luật. Do vậy, đề nghị của Kiểm sát

viên tại phiên tòa cho các bị cáo được hưởng án treo là phù hợp và xử phạt các bị cáo với mức hình phạt như Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp, có căn cứ pháp luật.

[8] Về hình phạt bổ sung: Tội phạm này có quy định hình phạt bổ sung bằng tiền, xét thấy các bị cáo đều không có công việc, nghề nghiệp, thu nhập gì. Bị cáo G là người dân tộc dân tộc thiểu số thuộc vùng kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

[9] Về vật chứng vụ án: Đối với 03 bao cao su đã qua sử dụng; 03 vỏ bao cao su; 04 bao cao su chưa qua sử dụng không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp với điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s của Trần Thị Ngọc L là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung Ngân sách nhà nước là phù hợp với điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13Pro của bị cáo Trần Thị Ngọc L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh của Nguyễn Thị Thu H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu xám của Triệu Thị Th không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại là phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng tạm giữ của Hoàng Văn T là do T mượn của anh Tạ Văn C. Ngày 27/12/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại anh C chiếc điện thoại này là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với số tiền 1.400.000đồng trong đó 200.000đồng là tiền khách mua dâm bo cho bị cáo L và H, 1.200.000đồng là tiền mua dâm T trả bị cáo L đã được bị cáo L nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Dũng đều là số tiền thu lời bất chính liên quan đến hành vi mua bán dâm nên cần tịch thu sung Ngân sách nhà nước là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[10] Đối với Hoàng Văn T, Ngụy Thế M, Nguyễn Văn C, Triệu Thị T, Trần Thị Ngọc L, Nguyễn Thị Thu H đã có hành vi mua, bán dâm nhưng không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Công an huyện Yên Dũng đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Hoàng Văn T, Ngụy Thế M, Nguyễn Văn C mỗi người số tiền 1.500.000 đồng; đối với Triệu Thị T, Trần Thị Ngọc L bị xử phạt hành chính bằng hình thức phạt cảnh cáo là phù hợp với quy định của pháp luật. Còn đối với Nguyễn Thị Thu H đã bỏ đi khỏi địa phương nên Công an huyện Yên Dũng chưa xử lý được.

[11] Đối với Hán Thị N là chủ nhà nghỉ Thiên Nga không biết L thuê phòng để phục vụ cho hoạt động mua bán dâm nên Cơ quan điều tra không xử lý được. Tuy nhiên, Hán Thị N đã có hành vi vi phạm hành chính để xảy ra hoạt động mua, bán dâm ở cơ sở do mình quản lý nên ngày 12/4/2024, UBND tỉnh Bắc Giang đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 35.000.000đồng là đúng quy định pháp luật.

Đối với người lái xe taxi chở L, H, T đi bán dâm do không xác định được tên, tuổi, địa chỉ của người này nên không xử lý được.

[12] Về án phí: Bị cáo Trần Thị Ngọc L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Hà Thị G (V) là người dân tộc thiểu số thuộc vùng kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[13] Ngoài ra cần áp dụng quy định tại Điều 331; Điều 333 và khoản 1 Điều 337 Bộ luật Tố tụng Hình sự để tuyên quyền kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Trần Thị Ngọc L.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 2 Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Hà Thị G (tên gọi khác: V).

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106; Điều 292; Điều 331; Điều 333 và khoản 1 Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Hình phạt:

1.1. Xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc L 03 (*Ba*) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Môi giới mại dâm", thời gian thử thách 05 (*năm*) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Trần Thị Ngọc L cho UBND xã S, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

1.2. Xử phạt bị cáo Hà Thị G (tên gọi khác: V) 02 (*Hai*) năm 06 (*sáu*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Môi giới mại dâm", thời gian thử thách 05 (*năm*) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Hà Thị G (tên gọi khác: V) cho UBND xã L, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

1.3. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo quy định tại Điều 92 của Luật thì hành án hình sự.

2. Về áp dụng biện pháp ngăn chặn: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" đối với bị cáo Trần Thị Ngọc L và bị cáo Hà Thị G (tên gọi khác: V).

3. Về vật chứng:

3.1. Tịch thu tiêu hủy: 03 bao cao su đã qua sử dụng; 03 vỏ bao cao su; 04 bao cao su chưa qua sử dụng.

3.2. Tịch thu sung Ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone 6s; số tiền 1.400.000đồng (*Một triệu bốn trăm nghìn đồng*).

3.3. Trả lại: Bị cáo Trần Thị Ngọc L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13Pro nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại chị Nguyễn Thị Thu H 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh; trả lại chị Triệu Thị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu xám.

(*Các vật chứng và số tiền trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/5/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Dũng và biên lai thu tiền số 0000480 ngày 25/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng*).

4. Án phí:

4.1. Buộc bị cáo Trần Thị Ngọc L phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4.2. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hà Thị G (tên gọi khác: V).

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án. Thời hạn kháng nghị đối với bản án của Viện kiểm sát cùng cấp là 15 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 30 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thủy

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Công an huyện Yên Dũng;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã Song Khê, TP. Bắc Giang;
- UBND xã Lai Đồng, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Các bị cáo và người TGTT;
- Lưu HS, VP.